

Bản án số: 52/2020/DS-ST

Ngày 24/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H’ Luyên Niê và bà Trần Thị Xanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Trụ sở: Số 169, phố L, phường P, quận M, TP.Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Quang D – chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ; là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

2. Bị đơn: Lê Quốc T; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: T29, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Huỳnh Quang D người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H có vay vốn tại Ngân hàng C– Phòng giao dịch huyện Đ, trên cơ sở sổ vay vốn số mã khách hàng 7053220461 và sổ lưu theo dõi

cho vay- thu nợ và dư nợ mã món vay là 6600000700291322 ngày 18/12/2013 với số tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,8%/ tháng, mục đích, lãi suất quá hạn là 1 đầu tư phân bón và mua máy bơm; lãi suất nợ quá hạn là 130%/ lãi suất khi vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần; hạn trả cuối cùng vào ngày 18/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà H không trả lãi cũng như gốc nên Ngân hàng đã chuyển số nợ này sang nợ quá hạn vào ngày 18/6/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H không chấp hành, mặc dù Ngân hàng đã đòi nhiều lần.

* Dư nợ hiện tại tính đến ngày 24/9/2020 đối với số vay vốn trên là:

+ Nợ tiền gốc: 30.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn là 12.424.111 đồng

+ Lãi chậm trả 1.467.619 đồng

Vì vậy, để đảm bảo nguồn vốn hoạt động theo quy định, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 12.424.111 đồng, lãi quá hạn là 1.467.619 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020.

Kể từ ngày 25/9/2020, ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo sổ vay vốn số mã khách hàng 7053220461 và sổ lưu theo dõi cho vay- thu nợ và dư nợ mã món vay là 6600000700291322 ngày 18/12/2013 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn ông Lê Quốc T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không lên làm việc. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H Trình bày:

Bà H thừa nhận vợ chồng có vay Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 12.424.111 đồng, lãi quá hạn là 1.467.619 đồng như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày; nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả mỗi năm 10.000.000 đồng, còn tiền lãi thì xin không trả. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn không chấp hành pháp luật, các đương sự còn lại không thống nhất được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật

tổ tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 5, 7, 8, 11 Nghị định số 16/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng C.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 12.424.111 đồng, lãi quá hạn là 1.467.619 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020.

Kể từ ngày 25/9/2020, ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo sổ vay vốn số mã khách hàng 7053220461 và sổ lưu theo dõi cho vay- thu nợ và dư nợ mã món vay là 6600000700291322 ngày 18/12/2013 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 12.424.111 đồng, lãi quá hạn là 1.467.619 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020. **Hiện nay**, ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H **có đăng ký hộ khẩu tại xã M. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.**

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ sổ vay vốn số mã khách hàng 7053220461 và sổ lưu theo dõi cho vay- thu nợ và dư nợ mã món vay là 6600000700291322 ngày 18/12/2013, khoản vay trên ông T và bà H đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; hiện nay khoản vay này đã được Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Số tiền vay này về đầu tư phân bón và mua máy bơm. Quá trình làm việc, ông T không chấp hành, còn bà H xin Ngân hàng trả mỗi năm 10.000.000 đồng, phần lãi gia đình khó khăn nên xin không trả. Do ông T và bà H không trả được khoản lãi hay gốc nào nên Ngân hàng

không đồng ý. Tính đến ngày xét xử ông T và bà H còn nợ Ngân hàng C số tiền gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) lãi trong hạn là 12.424.111 đồng, lãi quá hạn là 1.467.619 đồng, hời hạn tính lãi tính đến ngày 24/9/2020. Tổng cộng cả gốc và lãi là 43.891.730 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn bảy trăm ba mươi đồng*). Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử*).

Kể từ ngày 25/9/2020, ông T và bà H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo sổ vay vốn số mã khách hàng 7053220461 và sổ lưu theo dõi cho vay- thu nợ và dư nợ mã món vay là 6600000700291322 ngày 18/12/2013, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người liên quan phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 43.891.730 đồng x 5% = 2.194.500 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 5, 7, 8, 11 Nghị định số 16/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng chính sách.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), lãi trong hạn là 12.424.111 đồng, lãi quá hạn là 1.467.619 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 43.891.730 đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn bảy trăm ba mươi đồng*), thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020.

Kể từ ngày 25/9/2020, ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo sổ vay vốn số mã khách hàng 7053220461 và sổ lưu theo dõi cho vay - thu nợ và dư nợ mã món vay là 6600000700291322 ngày 18/12/2013 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.194.500 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi bốn triệu năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng C được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà